

Khởi nghiệp: Rào cản và giải pháp

TRẦN ĐÌNH LONG*
VŨ TRÍ DŨNG**

Tóm tắt

Các nghiên cứu thực tiễn cho thấy, sự thành công của một dự án khởi nghiệp không chỉ phụ thuộc vào năng lực đổi mới sáng tạo, nhận biết cơ hội của người sáng lập, mà còn phụ thuộc vào điều kiện hình thành môi trường khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp, được biết đến là hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Với mục tiêu xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp hiệu quả và bền vững, bài viết đề cập các rào cản ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp, đồng thời đề xuất giải pháp khắc phục các rào cản và thách thức hiện hữu, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp.

Từ khóa: doanh nhân, khởi nghiệp, rào cản, hệ sinh thái khởi nghiệp

Summary

Practical studies show that the success of a startup project depends not only on the founder's ability to innovate and recognize opportunities but also on the conditions for forming startup environment and entrepreneurship, known as the innovative startup ecosystem. With the goal of building an effective and sustainable startup ecosystem, the article points out barriers affecting the formation and development of startups, and also proposes solutions to overcome existing barriers and challenges, creating a favorable environment for startups.

Keywords: entrepreneurs, startups, barriers, startup ecosystem

GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh đầy khó khăn và thách thức như hiện nay, vai trò khởi dậy, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp là hết sức quan trọng nhằm duy trì động lực phát triển của các doanh nghiệp. Bài viết này tập trung nghiên cứu về các rào cản ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của các doanh nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp hiện nay, qua đó đề xuất giải pháp góp phần cải thiện môi trường khởi nghiệp, nâng cao tỷ lệ thành công của hoạt động khởi nghiệp.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Khởi nghiệp là những hành vi hướng ứng lại một quyết định có tính phán đoán trong tình trạng không chắc chắn về cơ hội có thể có được lợi nhuận (Hisrich, Peters và Shepherd, 2010). Khởi nghiệp không chỉ dành cho những người mới bắt đầu kinh doanh, mà còn được thực hiện trong các doanh nghiệp đang tồn tại. Khởi sự kinh doanh trong công ty được phản ánh rõ nét nhất trong những nỗ lực: (1) Đầu tư vào một dự án kinh doanh mới (dự án kinh doanh của công ty) - Tạo ra một hoạt động kinh doanh mới bên trong một tổ chức đang hiện hữu; (2) Có tính chất đổi mới - Sự đổi mới sản phẩm và dịch vụ, với sự chú trọng vào phát triển và đổi mới về mặt công nghệ; (3) Sự tự đổi mới

- Sự chuyển đổi thông qua quá trình đổi mới những ý tưởng chủ đạo mà dựa vào đó một tổ chức đã được tạo dựng nên; (4) Tiên phong thực hiện bao gồm: Sự khởi xướng; Việc chấp nhận rủi ro; Tính chất năng nổ cạnh tranh và Sự táo bạo liều lĩnh.

Ý định khởi nghiệp có thể được định nghĩa là sự liên quan ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp (Souitaris, Zerbinati và Al-Laham, 2007); là một quá trình định hướng việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện một kế hoạch kinh doanh (Gupta và Bhawe, 2007). Ý định khởi nghiệp của một cá nhân bắt nguồn từ việc họ nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp của riêng mình (Wagner, 2010).

Bên cạnh tính chủ động trong xác định và tìm kiếm cơ hội từ ý tưởng khởi nghiệp, Gilad và Lavine (1986) nhấn mạnh yếu tố hoàn cảnh có tác động quan trọng đến tinh thần khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu của Suresh và Ramraj (2012) chỉ ra rằng, một mô hình hệ sinh thái hỗ trợ hiệu quả cần tác động tổng thể tới tất cả các nhân tố tạo nên sự thành công hay thất bại của khởi nghiệp.

* ThS., ** PGS, TS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 09/6/2021; Ngày phản biện: 15/7/2021; Ngày duyệt đăng: 15/8/2021

Cùng quan điểm, Shapero (1975) đã đưa ra 8 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn con đường khởi nghiệp, bao gồm: Tinh thần; Tài chính; Công nghệ; Thị trường; Xã hội; Mạng lưới; Chính phủ và Môi trường hỗ trợ. Trong bài viết này, nhóm tác giả tập trung vào các nhân tố thúc đẩy tích cực có quan hệ tương hỗ với hệ sinh thái - môi trường hỗ trợ.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được áp dụng trong bài viết này là nghiên cứu tài liệu, trên cơ sở sử dụng các dữ liệu thứ cấp trích xuất từ các sách chuyên khảo, bài báo chuyên ngành... Ngoài ra, phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp cũng được sử dụng để làm rõ nội dung nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Tình hình khởi nghiệp tại Việt Nam

Mặc dù đã có nhiều cải thiện trong thời gian gần đây, song xét về tổng thể, tỷ lệ khởi nghiệp trong doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn ở mức rất thấp. Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy, tỷ lệ này đạt mức 0,6%, xếp thứ 45/54, thấp hơn mức trung bình 1,4% của các nước phát triển dựa trên nguồn lực như Việt Nam; tỷ trọng khởi sự trong lĩnh vực chế biến (17,7%) và phục vụ doanh nghiệp (6,6%) dù đang cải thiện, nhưng vẫn tương đối thấp, trong khi vẫn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực phục vụ người tiêu dùng (74,8%).

Thời gian qua, Việt Nam đã và đang tiếp tục phát huy thế mạnh của hệ sinh thái khởi nghiệp, tuy nhiên một số tiêu chí trọng yếu được đánh giá còn yếu kém vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện và tiếp tục xuống hạng. Trong số 12 chỉ số về điều kiện kinh doanh, 3 chỉ số mà Việt Nam có thứ hạng cao nhất là: Năng động của thị trường nội địa (5/54), Văn hóa và chuẩn mực xã hội (6/54), Cơ sở hạ tầng (10/54). Ba chỉ số Việt Nam có thứ hạng thấp nhất là: Tài chính cho kinh doanh (39/54); Giáo dục kinh doanh sau phổ thông (40/54) và Chương trình hỗ trợ của Chính phủ (43/54) (VCCI, 2018).

Các rào cản

Chính sách

Chỉ thị số 09/CT-TTg, ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi

ngiệp sáng tạo chỉ rõ, các rào cản và khó khăn cộng đồng khởi nghiệp đang phải đối mặt chủ yếu xuất phát từ môi trường kinh doanh và chính sách chưa thực sự thuận lợi cho khởi nghiệp. Cụ thể, vấn đề còn tồn đọng bao gồm: Các quy định về điều kiện kinh doanh chưa phù hợp với thực tế ngành nghề kinh doanh trong giai đoạn mới, đặc biệt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Cơ chế chính sách và hành lang pháp lý còn nhiều bất cập, đặc biệt là các quy định về hoạt động kêu gọi và góp vốn đầu tư đối với loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp, cơ chế quản lý nhà nước và phân bổ ngân sách chưa đến được nhu cầu thực tế hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo; Thiếu gắn kết giữa hoạt động giáo dục với nghiên cứu khoa học và với nhu cầu thực tế của thị trường nhằm đưa vào sản xuất kinh doanh; Hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước hạn chế trong khi hành lang pháp lý để kêu gọi đầu tư từ nguồn vốn xã hội vẫn đang bị vướng mắc về cơ chế; Chưa có hành lang pháp lý cho các sản phẩm, dịch vụ mới...

Vốn tài chính

Đặc biệt, khó tiếp cận nguồn vốn tài chính được coi là rào cản lớn nhất đối với doanh nhân khởi nghiệp. Mặc dù Chính phủ đã có giải pháp hỗ trợ nguồn vốn cho hoạt động khởi nghiệp, tuy nhiên đến nay, việc tiếp cận nguồn vốn vay và hỗ trợ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) vẫn còn hạn chế, mà một trong những nguyên nhân chính là do hành lang pháp lý hỗ trợ vốn vay cho doanh nghiệp vẫn chưa hoàn thiện.

Bên cạnh đó, Nghị định số 38/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo quy định các nhà đầu tư tư nhân có thể thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, nhưng không được thành lập tư cách pháp nhân. Ngoài ra, chỉ được tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ, đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... Đây là những quy định chưa phù hợp với đặc thù gọi vốn của các startup.

Văn hóa khởi nghiệp

Là một nước có tỷ lệ dân số vàng với lực lượng dân số trẻ đông đảo đầy nhiệt huyết sáng tạo và bản lĩnh quyết tâm, tuy nhiên một số nét văn hóa điển hình của Việt Nam nói riêng và người châu Á nói chung lại gây không ít cản trở cho văn hóa khởi nghiệp, như: văn hóa ngại thay đổi, không thể hiện quan điểm bản thân và đặt nặng tính truyền thống đã hạn chế phần nào năng lực sáng tạo và đổi mới mà văn hóa khởi nghiệp đề cao (Brett Davis, 2016). Khảo sát cho thấy, tỷ lệ sinh viên khởi nghiệp kinh doanh thực tế sau 1-2 năm tốt nghiệp còn chỉ từ 3% đến 5%. Rào cản về văn hóa khởi nghiệp, do đó, cần được tuyên truyền và tạo lập ngay từ hệ thống giáo dục các cấp, thay đổi tư tưởng hướng tới đề cao tính sáng tạo và thiết thực (Minh Giảng, 2016).

Ngoài ra, một nhân tố quan trọng trong văn hóa khởi nghiệp vẫn chưa được nhìn nhận đúng vai trò, chưa nhận được các chính sách hỗ trợ tương xứng, đó là văn hóa đề cao vai trò của phụ nữ khởi nghiệp.

Để cải thiện tình trạng này, nhiều quy định góp phần nâng cao vai trò phụ nữ khởi nghiệp đã được đưa ra tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nguồn lực lao động

Việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu về tay nghề, kiến thức chuyên môn, cũng như năng lực sáng tạo đóng vai trò là nguồn lực nòng cốt hỗ trợ cho hệ sinh thái khởi nghiệp để có thể phát triển ổn định và bền vững trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt về năng suất lao động và mức độ áp dụng công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Trong khi đó, thị trường lao động Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, như: lao động đã qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp còn thấp, mới đạt 24,5% năm 2020, chưa đạt mục tiêu đề ra. Hiện trạng lãng phí khi phần lớn lao động đã qua đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu thực tiễn và thường xuyên phải đào tạo lại. Việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp chủ yếu vẫn là sơ cấp và các hình thức đào tạo dưới ba tháng chiếm 75,3%; còn lại cao đẳng và trung cấp khoảng 24,7% (Trung tâm Tư vấn, đào tạo và thông tin tư liệu - Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, 2021).

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO KHỞI NGHIỆP

Với việc xác định cụ thể các rào cản thành 4 nhóm thách thức chính trong quá trình khởi nghiệp là: Chính sách; Vốn tài chính; Văn hóa; Nguồn lực lao động như đã phân tích, tác giả đề xuất tập trung vào 4 nhóm giải pháp tương ứng với đầy đủ điều kiện cần thiết cho hoạt động khởi nghiệp.

Về chính sách

Xây dựng các chính sách, chương trình hỗ trợ, khuyến khích khởi nghiệp có định hướng đổi mới sáng tạo, có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan nghiên cứu, đơn vị đào tạo giáo dục, cộng đồng doanh nghiệp..., nhằm nâng cao tinh thần và ý chí khởi nghiệp; định vị các dự án có tiềm năng kinh tế lớn và có tính ứng dụng thực tiễn cao. Các chính sách hỗ trợ cần sát với thực tiễn, tối giản thủ tục hành chính, giảm thiểu chi phí và thời gian tuân thủ các quy định pháp luật cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ; triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo (Dương Ngọc Hồng, 2019).

Tăng cường đối thoại giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp với đại diện cơ quan nhà nước để kịp thời nắm bắt, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, gỡ khó những “rào cản” trên con đường phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, ngoài các biện pháp hỗ trợ trước mắt, cần có nhiều sáng kiến dài hạn hơn để giải quyết các hạn chế về cơ cấu

và hỗ trợ phát triển DNNVV tại Việt Nam, như: Hỗ trợ chuyển đổi số; Hỗ trợ kỹ thuật và năng lực phát triển các kế hoạch chiến lược nhằm chuyển đổi các mô hình kinh doanh; Phát triển một công cụ phân tích thân thiện với người dùng cho phép DNNVV tự chẩn đoán một cách có hệ thống các điểm mạnh và điểm yếu tương đối của họ (Cục Phát triển doanh nghiệp, 2020).

Về nguồn vốn tài chính

Có 3 nguồn vốn cơ bản được phân loại gồm: nguồn vốn từ người thân, bạn bè; nguồn vốn tín dụng và chính sách; nguồn vốn từ quá trình kêu gọi đầu tư. Tùy thuộc mô hình kinh doanh mà doanh nghiệp khởi nghiệp có nhu cầu về cơ cấu vốn khác nhau. Với các khởi sự có tính ứng dụng công nghệ và có tiềm năng tăng trưởng lớn, cần huy động nguồn vốn tài chính tương ứng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. Do đó, nguồn vốn từ quá trình kêu gọi đầu tư từ các quỹ đầu tư chuyên nghiệp hoặc từ các nhà đầu tư giàu kinh nghiệm đóng vai trò tiên quyết.

Tính đến nay, có khoảng 30 quỹ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp và đang có xu hướng gia tăng, như: các quỹ đầu tư nước ngoài CyberAgent, 500 Startups, Golden Gate Venture...; các quỹ thuộc ngân hàng, công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên các quỹ đầu tư chủ yếu tập trung vào doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, trong khi phần lớn các khởi sự đến từ giới trẻ và phân bố rộng khắp các ngành nghề từ nông nghiệp đến công nghiệp và dịch vụ. Trong trường hợp này, nguồn lực tài chính từ Nhà nước (ngân sách địa phương) và từ nguồn lực xã hội cần được khai thông; theo đó, cần nhanh chóng hoàn thiện và ban hành các thông tư hướng dẫn Nghị định số 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; tháo gỡ các rào cản còn tồn tại, điển hình là quy định về bảo toàn vốn cần linh động hơn.

Ngoài ra, Chính phủ cần tái khởi động đề án sàn giao dịch khởi nghiệp nhằm cải thiện tính thanh khoản và minh bạch hóa môi trường đầu tư của doanh nghiệp khởi nghiệp, từ đó gia tăng sức hút đối với cộng đồng.

Về văn hóa khởi nghiệp

Đề cao vai trò của doanh nhân, doanh nghiệp trong các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức, các chương trình kết

nổi và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, các chương trình đào tạo ở cơ sở giáo dục văn hóa, từ đó, giúp cộng đồng có nhận thức đầy đủ về hành trình khởi nghiệp và những lợi ích cho xã hội mà khởi nghiệp sáng tạo mang lại. Bổ sung nội dung khuyến khích khởi nghiệp vào chương trình đào tạo các cấp, cũng như chủ động tổ chức các cuộc thi, phong trào về khởi nghiệp. Nâng cao vai trò của cộng đồng nữ doanh nhân khởi nghiệp, tăng cường cơ chế kết nối để các đối tác trong hệ sinh thái doanh nhân nữ cùng học hỏi, chia sẻ, mở rộng (Thanh Tâm, Thị Nhuận, 2020).

VỀ NGUỒN LỰC LAO ĐỘNG

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động

theo hướng khoa học ứng dụng, đặc biệt là nguồn nhân lực cho chuyển đổi số bằng việc bổ sung các chuyên ngành đào tạo các nghề về blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI) và kết nối kiến thức, kinh nghiệm giữa chuyên gia với người Việt ở nước ngoài đến với cộng đồng khởi nghiệp sáng tạo trong nước.

Liên kết hệ thống giáo dục với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, đảm bảo nội dung đào tạo theo sát yêu cầu thực tế của doanh nghiệp, đảm bảo thời gian thực tập song song với quá trình tiếp thu kiến thức. Ban hành cơ chế chính sách tăng cường đầu tư vào hệ thống nghiên cứu khoa học và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, xã hội hóa các cơ sở nghiên cứu hoặc đổi mới cơ chế, để cộng đồng nhà khoa học, doanh nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp, hoặc người trẻ sáng tạo có thể khai thác cơ sở vật chất tại các cơ sở quốc gia. Tiếp tục thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân gia tăng đầu tư cho khoa học, công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Phát triển doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020). *Báo cáo đánh giá tác động của Covid-19 đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa ở Việt Nam, đặc biệt là các DNNVV do nữ làm chủ*
2. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2018). *Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018*, Nxb Thanh niên
3. Minh Giảng (2016). *Còn nhiều rào cản để khởi nghiệp*, truy cập từ <https://tuoitre.vn/con-nhieu-rao-can-de-khoi-nghiep-1120423.htm>
4. Dương Ngọc Hồng (2019). *Thực trạng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Khó khăn và giải pháp*, truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-tai-viet-nam-kho-khan-va-giai-phap-64168.htm>
5. Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trịnh Thị Nhuận (2020). *Một số động cơ thúc đẩy và rào cản hạn chế quá trình khởi sự kinh doanh của phụ nữ Việt Nam*, truy cập từ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-dong-co-thuc-day-va-rao-can-han-che-qua-trinh-khoi-su-kinh-doanh-cua-phu-nu-viet-nam-69734.htm>
6. Trung tâm Tư vấn, đào tạo và thông tin tư liệu, Viện Nghiên cứu và quản lý kinh tế Trung ương - CIEM (2021). *"Hội thảo công bố báo cáo Phát triển thị trường lao động nhằm thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế ở Việt Nam"*, truy cập từ <http://ciem.org.vn/tin-tuc/8871/hoi-thao-cong-bo-bao-cao-phat-trien-thi-truong-lao-dong-nham-thuc-day-co-cau-lai-nen-kinh-te-o-viet-nam?newsgroup=Tin%20t%E1%BB%A9c%20-%20s%E1%BB%B1%20ki%E1%BB%87n%09>
7. Brett Davis (2016). *Vietnam's Startup Scene Faces A Unique Set Of Cultural Challenges*, retrieved from: <https://www.forbes.com/sites/davisbrett/2016/07/29/vietnams-burgeoning-startup-scene-still-facing-some-teething-problems/?sh=94e7355d8842>
8. Gilad, B., and Levine, P (1986). A Behavioural Model of Entrepreneurial Supply, *Journal of Small Business Management*, 24, 45-53
9. Gupta, V., and Bhawe, N (2007). The Influence of Proactive Personality and Stereotype Threat on Women's Entrepreneurial Intentions, *Journal of Leadership and Organizational Studies*, 13(4)
10. Hisrich, R., Peters, M., and Shepherd, D (2010). *Entrepreneurship*, Boston: McGraw-Hill
11. Shapero, A (1975). The displaced, uncomfortable entrepreneur, *Psychology Today*, 9, 83-133
12. SBIDA (1988). *Small Business Institute Director's Association*, retrieved from <http://sbida.org/Resources/Documents/Proceedings/1988%20Proceedings.pdf>
13. Souitaris, V., Zerbinati, S., and Al-Laham, A. (2007). Do entrepreneurship programs raise entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources, *Journal of Business Venturing*, 22(4), 566-591
14. Suresh, J. and R. Ramraj (2012). Entrepreneurial Ecosystem: Case Study on the Influence of Environmental Factors on Entrepreneurial Success, *European Journal of Business and Management*, retrieved from <https://core.ac.uk/download/pdf/234624389.pdf>